

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH KIÊN GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/DS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thu In**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Chung Kim Sang**

Ông **Trương Hoài Khanh**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:*  
Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 375/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 17, đường A, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Thanh V, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: tổ 29, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

\* *Bị đơn:* Ông Châu Vương Phúc H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: số E9, đường H, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 15, đường L, khu phố 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023 của bà Nguyễn Thị Ánh N, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà N là anh Phạm Thanh V thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Châu Vương Phúc H có quen biết nhau. Do thiếu vốn ăn nên năm 2020 ông H có hỏi vay tiền của bà N.

Ngày 12/10/2020, ông H vay số tiền gốc là 700.000.000 đồng, có làm biên nhận, hai bên tự thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là vào ngày 12/10/2021. Tuy nhiên, đến nay ông H không có trả tiền gốc, lãi cho bà N.

Nhiều lần bà N gọi điện và gặp trực tiếp để thỏa thuận với ông H nhưng ông H không trả tiền.

Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền gốc là 700.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền 700.000.000 đồng, thời gian tạm tính từ ngày 12/10/2020 đến ngày 12/4/2023 với số tiền lãi là 348.600.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.048.600.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi suất đến khi anh H trả hết số tiền vay.

Tại phiên tòa, anh V đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu Vương Phúc H phải trả cho bà N số tiền gốc là 700.000.000 đồng, bà N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền gốc là 700.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn ông Châu Vương Phúc H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông H không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015). Cụ thể như sau:

+ Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 BLTTDS 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Thẩm phán thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS 2015; Thẩm phán tiến hành việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS 2015.

+ Về chứng cứ, chứng minh: Thẩm phán đã tiến hành các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97 BLTTDS 2015. Đồng thời, Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự theo đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS 2015.

+ Chuẩn bị xét xử: Vụ án được thụ lý từ ngày 13/12/2023 nhưng đến ngày 22/10/2024, Thẩm phán mới ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-DS là chưa đảm bảo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:*

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 12/10/2020, bà N có cho ông Châu Vương Phúc H vay số tiền 700.000.000 đồng để ông H làm ăn, đầu tư kinh doanh, đôi bên có lập hợp đồng vay tiền, có chữ ký của ông H, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 12/10/2020 đến ngày 12/10/2021. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông H không trả cho bà N tiền gốc và lãi, mặc dù bà N đã nhiều lần gọi điện thoại và đến gặp trực tiếp để thỏa thuận nhưng ông H vẫn cố tình không trả tiền. Do đó, bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho bà số tiền vay gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi

theo mức lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 12/10/2020 cho đến khi ông H trả hết số tiền vay. Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã cung cấp được chứng cứ là biên nhận nợ thể hiện

ông H có vay của bà số tiền là 700.000.000 đồng, phù hợp với nội dung bà đã trình bày. Trong khi đó, dù Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng đến thời điểm này ông H vẫn không có mặt, không cung cấp chứng cứ nào khác cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 91 BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh của đương sự và quy định tại Điều 466 BLDS, yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ông H phải trả cho bà số tiền vay gốc 700.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về số tiền lãi, tại phiên tòa hôm nay, anh V là người đại diện theo ủy quyền của bà N rút lại yêu cầu nên có căn cứ đình chỉ nội dung này theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông H trả số tiền vay gốc 700.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 BLDS; đình chỉ một phần yêu cầu của bà N đối với số tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 BLTTDS. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Châu Vương Phúc H vẫn vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Châu Vương Phúc H.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là ông Châu Vương Phúc H vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Châu Vương Phúc H phải trả số nợ vay và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] *Về nội dung vụ án:*

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:*

Giữa bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Châu Vương Phúc H đã phát sinh hợp đồng dân sự vay tài sản thể hiện bằng “biên nhận vay tiền ngày 12/10/2020 có chữ ký tên và viết tên Châu Vương Phúc H ở góc cuối bên phải biên nhận, nội dung biên nhận xác định: “*Tôi tên Châu Vương Phúc H 1975, CMND 370807561..... có nhận vay của chị Nguyễn Thị Ánh N ..... số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu đồng) để đầu tư vào sx lúa vụ mùa 12/10/2020 đến 12/10/2021*” (BL 33).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà N là anh V xác định hiện nay bị đơn ông H còn nợ bà N số tiền gốc là 700.000.000 đồng. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bằng việc cung cấp cho Tòa án bản gốc biên nhận ngày 12/10/2020 (BL 33).

Về phía bị đơn ông Châu Vương Phúc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối ý kiến của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”; tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Châu Vương Phúc H đã không có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Do đó, việc bà N khởi kiện yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn gốc 700.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào biên nhận ngày 12/10/2020 (BL 33) hai bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản, ông H đã nhận số tiền 700.000.000 đồng từ bà N, từ ngày vay đến nay ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng các Điều

463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc 700.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[4] *Về lãi suất*: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 12/10/2020 cho đến khi thanh toán xong vốn gốc.

Tại phiên tòa, anh Vũ đại diện theo ủy quyền của bà N xác định bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Châu Vương Phúc H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền gốc là 700.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn ông Châu Vương Phúc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 700.000.000 đồng là:  $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 300.000.000 \text{ đồng})] = 32.000.000 \text{ đồng}$ .

Hoàn trả cho nguyên đơn bà N số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 21.730.000 đồng theo lai thu số 0004765 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn ông Châu Vương Phúc H.

Buộc ông Châu Vương Phúc H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Châu Vương Phúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 21.730.000 đồng theo lai thu số 0004765 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/11/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* *Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN THU IN**